TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-10-2019
V/v: " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Lê Kim Đó**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Huỳnh Thị Châu**.

2. Ông **Trần Đại Nghĩa**.

***- Thư ký phiên tòa*: Bà Quách Thị Khuyến** - *Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.*

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:* bà Ngô Phương Hoàng Giang** - *kiểm sát viên.*

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/ 2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 03 năm 2019, về việc "ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45A/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 15/10/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Cẩm H**; sinh năm 1992.

HKTT: Ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú hiện nay*:* số nhà 639, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng Duy T**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Ấp 1, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 03 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị Cẩm H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị Cẩm H và anh Nguyễn Hoàng Duy T được tự nguyện tìm hiểu yêu thương, năm 2011 thì tổ chức cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, đến ngày 13/4/2011 thì được cấp giấy chứng nhận kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu của chị H.

Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T sống thiếu trách nhiệm, không lo làm ăn, thường xuyên tụ tập bạn bè ăn chơi, đá gà, đánh bài, chị H nhiều lần

khuyên nhủ, nhưng anh T không sửa đổi tính xấu, thậm chí anh T còn đánh đập chị H, đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, tháng 3/2016 chị H đã bỏ về nhà mẹ ruột tại địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, sinh sống đây cũng chính là thời gian vợ chồng sống ly thân cho đến ngày hôm nay.

Trước Tòa án chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, khả năng đoàn tụ không có, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Duy B; sinh ngày 29/7/2011. Khi ly hôn chị H đồng ý giao cháu B cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung: Chị H không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị H không trình bày gì thêm.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hoàng Duy T không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh T được Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tống tụng nhưng anh T không chấp hành pháp luật không tham gia phiên tòa hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị tạm ngừng phiên tòa thu thập thêm tài liệu chứng cứ về việc học tập của cháu B, điều kiện kinh tế của gia đình anh T trong việc nuôi dưỡng cháu B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Hà Thị Cẩm H khởi kiện tranh chấp ly hôn; bị đơn anh Nguyễn Hoàng Duy T có nơi cư trú tại địa chỉ ấp 1, xã Lộ 25, huyện T, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Duy T đã được tống đạt niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án số 92 vào ngày 20/03/2019, tại nhà anh T, tại văn phòng ấp 1, xã L; tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T và tại trụ sở Tòa án.

Ngày 17/5/2019 anh T được tống đạt niêm yết hợp lệ thông báo giao nộp chứng cứ số 92/TB-TA, tại nhà anh T, tại văn phòng ấp 1, xã L, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T và tại trụ sở Tòa án.

Ngày 13/6/2016, anh T được tống đạt niêm yết hợp lệ thông báo về phiên hop kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,công khai chứng cứ và hòa giải số 92/TB-T

tại nhà anh T, tại văn phòng ấp 1, xã L và tại Ủy ban nhân dân xã L, huyệnT ; tại Tòa án huyện T.

Ngày 26/6/2019; Tòa án niêm yết thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và thông báo hòa giải số 93/TB-TA lần 2 tại nhà anh T, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T; tại Tòa án huyện T, nhưng anh T vắng mặt không đến Tòa án tham gia tố tụng giải quyết vụ án

Ngày 27/9/2019 Tòa án niêm yết quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45A ngày 26/9/2019, tại nhà anh Nguyễn Hoàng Duy T; tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T; tại Tòa án huyện T, thông báo thời gian mở phiên tòa xét xử vào lúc 14 giờ ngày 15/10/2019, nhưng anh T vắng mặt không có lý do, hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Ngày 15/10/2019 Tòa án niêm yết quyết định hoãn phiên tòa số 59/2019/QĐST-HNGĐ, tại nhà anh Nguyễn Hoàng Duy T; tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T; tại Tòa án huyện T, thông báo thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 15 giờ 00 ngày 31/10/2019, anh T tiếp tục vắng mặt không có lý do nên hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung xử vắng mặt anh T.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Hoàng Duy T, xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị H và anh T sống ly thân từ tháng 3 năm 2016 đến nay không bàn bạc đoàn tụ.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng Duy T không chấp hành pháp luật, không đến Tòa án tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa.

Trên cơ sở lời khai của chị H hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/4/2011, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên hôn nhân của chị H và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn chị Hằng khởi kiện xin ly hôn. Xét thời điểm hiện tại Luật hôn nhân năm 2014 đang có hiệu lực, việc kết hôn của chị Hvà anh T cũng thỏa mãn điều kiện theo quy định tại điều 8 của luật hôn nhân gia đình năm 2014. Về tài sản chung, con chung chị H không có tranh chấp nên Tòa án áp dụng luật hôn nhân năm 2014 để giải quyết.

Tại phiên tòa chị H khai anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, thường xuyên đá gà, đánh bài cùng bạn bè, chị H nhiều lần khuyên nhũ nhưng anh T không sửa đổi, còn gây gổ và nhiều lần đánh đập chị H dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn làm cho đời sống chung không hạnh phúc.

Theo biên bản xác minh ngày 13/5/2019, địa phương cung cấp, mâu thuẫn hôn nhân giữa chị H và anh T chủ yếu do anh T không có việc làm ổn định, thường tụ bạn bè dẫn đến vợ chồng gây gỗ, cháu Bảo sống cùng nhà với anh T và ông bà nội. Việc chị H xin ly hôn anh T đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

Trên cơ sở lời khai của chị H thì từ tháng 3/2016 chị H và anh T đã sống ly thân chị H đã về sống tại nhà mẹ ruột địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. Tòa án tiến hành hòa giải nhưng anh T không hợp tác đến Tòa án tham gia tố tụng và hòa giải, điều đó cho thấy anh T không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ cùng với chị H xây dựng lại gia đình hạnh phúc. Trên cơ sở đó cho thấy thấy hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hằng cho chị được ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại điều 56 luật hôn nhân năm 2014.

[3] Xét về nuôi con chung: Chị H khai, chị Hằng và anh Thành chung sống với nhau có 01 con chung cháu Nguyễn Duy B; sinh ngày 29/7/2011, khi ly hôn chị H đồng ý giao cháu Bảo cho anh T nuôi dưỡng, tạm thời chị H không cấp dưỡng nuôi con.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn....; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con; Hiện nay anh T là người trực tiếp trông nom nuôi dưỡng cháu B nhưng anh không hợp tác cung cấp lời khai của cháu B và cũng không tạo điều kiện cho Tòa án tiến hành lấy lời khai của cháu B theo quy định của pháp luật để xem xét nguyện vọng của cháu Bảo muốn sống cùng với cha (anh T) hay sống cùng với mẹ (chị H). Từ tháng 3 năm 2016, chị Hằng đã về cha mẹ đẻ sống, cháu B sống cùng với anh T. Để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm lý cho cháu B hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H giao cháu B cho anh T trông nom nuôi dưỡng, giao dục. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Xét về chia tài sản và nợ chung: Chị Hà Thị Cẩm H không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Hà Thị Cẩm H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81, khoản 2, khoản 3 Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. **Về hôn nhân**: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị Cẩm H và anh Nguyễn Hoàng Duy T.

2. **Về nuôi con chung**: Giao cháu Nguyễn Duy B; sinh ngày 29/7/2011 cho anh Nguyễn Hoàng Duy T tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời chị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản, vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. **Về chia tài sản; nợ chung**: Không giải quyết.

4. **Về án phí**: Chị Hà Thị Cẩm H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 001724 ngày 13/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Hằng đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- Các đương sự;
- TAND T. Đồng Nai;
- VKSND H.T;
- Chi cục THADS H.T;
- UBND thị trấn D, H.TN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Kim Đó